

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2023/DSST**

Ngày 26/ 6 /2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B**

*** Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Bùi Thị Hạnh** và **bà Đỗ Thị Sỹ Long**
- Thư ký phiên tòa: **Bà Cao Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố H.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố H tham gia phiên tòa: **Bà Hoàng Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 309/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2023/QĐXX-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 252/2023/QĐHPT-DSST ngày 09/6/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V**

Trụ sở chính: Số 2 L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V1** - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị Hằng N**, bà **Ngô Phan Lan H1** theo Giấy ủy quyền số 4517/UQ-NHNo.HN ngày 08/12/2022

*** Bị đơn: Bà Lại Thị C** - sinh năm 1971

HKTT: Số 75 đường 158, phường B1, quận H2, thành phố H.

Nơi ở: BT8-12 khu đô thị V2, phường L1, quận H3, thành phố H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lai Mạnh H4 - sinh năm 1973

2. Bà Nguyễn Thị Kim D - sinh năm 1973

3. Chị Lại Nguyễn Hà A - sinh năm 2003

Cùng địa chỉ: Số 7 ngõ 125/38 Nguyễn Ngọc V3, phường T, quận C1, thành phố H

(Bà Nguyễn Thị Kim D và chị Lại Nguyễn Hà A ủy quyền cho ông Lai Mạnh H4 theo văn bản xác nhận ủy quyền ngày 06/5/2023)

(Bà H1, bà N, ông H4 có mặt; bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V trình bày:***

Ngày 04/5/2012, Ngân hàng A - chi nhánh H và bà Lại Thị C ký hợp đồng tín dụng số 1500LAV201201790 (01/HDTDLDS 201202225); Số tiền vay: 800.000.000 đồng; Mục đích cho vay: Mua nhà; Lãi suất cho vay kỳ đầu: 18%/năm; Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu tiên 04/5/2012; kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng trả 20.000.000 đồng, phần còn lại trả cuối kỳ; Kỳ hạn trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 25.

**** Tài sản bảo đảm cho khoản vay là:*** Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 391a, tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: Tổ 30, phường T, quận C1, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113131595 do UBND thành phố H cấp ngày 03/01/2003, đứng tên ông Lai Mạnh H4, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người thứ ba ngày 21/5/2010, lập tại trụ sở Phòng công chứng số I thành phố H. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký nhà và đất quận Cầu Giấy ngày 26/5/2010. Giá trị tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp là: 1.296.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, đến ngày 04/5/2013 bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng A đã nhiều lần làm việc với bà C đôn đốc trả nợ, bà C cũng đã nhiều lần cam kết trả nợ nhưng không thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Tính đến thời điểm ngày 31/5/2022 (ngày bà C trả nợ lần cuối cùng), bà C đã trả được cho ngân hàng tổng cộng: 782.786.667 đồng, trong đó: Nợ gốc: 649.700.000 đồng; nợ lãi: 133.086.667 đồng.

Sau đó đến tháng 8/2022, bà C còn gửi đơn thư tố cáo cán bộ Ngân hàng làm giả Hợp đồng tín dụng ra cơ quan công an. Quá trình cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H2 đã giải quyết đơn tố cáo của bà C và kết luận về các nội dung mà bà C tố cáo, cụ thể:

- Về nội dung bà C tố cáo Ngân hàng làm giả hồ sơ Hợp đồng tín dụng là không có căn cứ vì hồ sơ vay vốn có đầy đủ chữ ký của bà C

- Về nội dung bà C cho rằng bà thuộc trường hợp được miễn gốc, lãi của toàn bộ khoản mà Ngân hàng Agribank đang khởi kiện: Căn cứ Quyết định số 540/QĐ-TTG ngày 16/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách người nuôi tôm và cá tra; Hướng dẫn số 4113/ NHNo-HSX ngày 19/6/2014 thì bà C không thuộc phạm vi và đối tượng được áp dụng để miễn giảm gốc lãi.

Nay Ngân hàng A đề nghị Tòa án nhân dân quận B, thành phố H giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc bà Lại Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 26/6/2023 là: 414.335.447 đồng, trong đó: Nợ gốc: 150.300.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 222.311.697 đồng; Nợ lãi quá hạn: 41.723.750 đồng

2. Buộc bà Lại Thị C phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày bà C trả hết nợ gốc cho Ngân hàng A hoặc cho đến khi thi hành xong bản án/quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp bà Lại Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/ quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ 30, phường T, quận C1, thành phố H theo quy định của pháp luật.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì bà Lại Thị C vẫn phải có trách nhiệm thanh toán nốt số tiền còn nợ cho Ngân hàng.

*** *Tại phiên tòa:*** Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Lại Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/6/2023 là: **414.335.447 đồng**; Đề nghị tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày bà C trả hết nợ gốc cho Ngân hàng A hoặc cho đến khi thi hành xong bản án/quyết định theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà Lại Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/ quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngân hàng A giải trình về việc trong đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng có trình bày về số Hợp đồng tín dụng

ngày 04/5/2012 ký giữa Ngân hàng A và bà Lại Thị C có ghi Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201201790 (01/HDTDLDS 201202225) tức là Hợp đồng được ghi trên hệ thống phần mềm của Ngân hàng có số ký hiệu: 1500LAV201201790, còn trên văn bản giấy tờ Hợp đồng trên chỉ ghi Hợp đồng tín dụng: số 01/HDTDLDS 201202225.

- Ngân hàng A khẳng định về quy trình cho vay cũng như việc xem xét điều chỉnh lãi của Ngân hàng đối với khoản vay của bà C tại Ngân hàng là đúng quy định của pháp luật. Các nội dung tố cáo của bà C đều không có căn cứ và đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H2 đã giải quyết xong. Khi cơ quan điều tra Công an quận H2 có thông báo kết quả giải quyết đơn tố cáo cho bà C, bà C đã nhận và không có ý kiến gì, nhưng sau đó bà C lại vẫn tiếp tục đơn thư đi khắp nơi kiện cáo cả cán bộ Ngân hàng và cả cán bộ, điều tra viên của cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H2, H. Theo Ngân hàng được biết qua sao chụp tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì các khiếu nại này đều đã được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết xong.

- Về phía chủ tài sản đảm bảo là vợ chồng ông Lai Mạnh H4, bà Nguyễn Thị Kim D (vợ chồng em trai của bà C) cũng hợp tác, làm việc với Ngân hàng để thúc đẩy việc bà C trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên bà C luôn gây khó khăn và cho rằng vợ chồng em trai bà cấu kết với Ngân hàng A để chiếm đoạt tiền và tài sản của bà. Khi Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án, bà C vẫn có thái độ không hợp tác, không ra Tòa làm việc đúng theo giấy báo của Tòa mà chỉ gửi đơn thư tố cáo nhằm trốn tránh trách nhiệm của mình.

**** Tại các văn bản trình bày của bị đơn: Bà Lại Thị C gửi Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung:***

Ngày 15/12/2022, bà C đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 309/2022/TB-TLVA ngày 14/12/2022 và giấy báo của Tòa án nhân dân quận B, bà C trình bày là hiện bà đang chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc làm giả hồ sơ Hợp đồng tín dụng số: 1500 LDS 201202225 ngày 04/5/2012; Hợp đồng tín dụng số: 1500 LDS 2011015292 ngày 19/9/2011; Hợp đồng tín dụng số: 1500 LDS 201003195 ngày 27/5/2010 theo phiếu chuyển đơn số 1341/PC-CSKT-P1 của Cục cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế buôn lậu ký ngày 27/10/2022. Căn cứ về việc Thông báo thụ lý giải quyết tố cáo số 718/TB-CAHBT-CTHC ngày 27/12/2022 và các giấy tờ liên quan tố cáo các cá nhân có hành vi làm giả hồ sơ tín dụng chiếm đoạt tài sản các khoản tiền bảo hiểm hỗ trợ rủi ro của các khoản vay quá hạn theo Hợp đồng tín dụng do nguyên nhân khách quan bất khả kháng, cháy nổ 6 người chết tại số 9 T1, H2 vi phạm Điều 356, 365, 174, 124, 134 Bộ luật Hình sự, gửi kèm các văn bản trình bày trên bà Chinh còn nộp theo các bản phô tô đơn

tổ cáo của bà và các văn bản tố tụng do các cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn tố cáo của bà C.

** Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho bị đơn đến Tòa làm việc cũng như tham gia phiên Tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.*

** Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lai Mạnh H4, bà Nguyễn Thị Kim D và chị Lại Nguyễn Hà A do ông Lai Mạnh H4 làm đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Vợ chồng ông H4, bà D xác nhận có ký Hợp đồng thế chấp ngày 21/5/2010, tại trụ sở Phòng công chứng số I - thành phố H với nội dung thế chấp Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 391a, tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: Tổ 30, phường T, quận C1, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113131595 do UBND thành phố H cấp ngày 03/01/2003, đứng tên vợ chồng ông (Lai Mạnh H4 và bà Nguyễn Thị Kim D), để đảm bảo cho khoản vay của bà Lại Thị C (chị gái ông H4) tại Ngân hàng A.

Về số liệu gốc lãi mà Ngân hàng trình bày tại các buổi làm việc ở Tòa án vợ chồng ông H4 không có ý kiến gì.

Quan điểm của gia đình ông H4 đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Agribank như sau:

- Gia đình ông mong muốn ngân hàng miễn giảm lãi trong hạn và quá hạn để gia đình ông H4 nộp tiền vào rút tài sản đảm bảo ra, vì hiện nay bà C không có trách nhiệm gì với khoản nợ, đồng thời đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để gia đình ông H4, bà D thu xếp trả nợ.

- Trước các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông H4 đã liên hệ nhắn tin cho bà Lại Thị C, khuyên bà thu xếp ra Tòa làm việc để cùng nhau thỏa thuận cho vợ chồng ông H4, bà D thay mặt bà C trả số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và rút tài sản đảm bảo ra, tuy nhiên bà C vẫn không ra Tòa làm việc.

Trường hợp bà C cố tình gây khó khăn không ra Tòa làm việc thì đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử và có bản án để gia đình ông H4 nộp tiền vào rút tài sản đảm bảo ra, vì hiện tại tài sản này nơi duy nhất gia đình ông H4 ăn ở sinh sống.

*** Tại phiên Tòa:** Ông H4, bà D và chị Hà A do ông H4 làm đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

- Ông H4 xác nhận: Quá trình bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng có nhiều lần làm việc với gia đình ông nhưng vì bà C không đồng ý cho vợ chồng

ông trả nợ thay nên gia đình ông cũng không thể làm gì khác. Sau đó bà C đi kiện cáo khắp nơi. Gia đình chúng tôi cũng đã nói chuyện với bà C nhiều lần nhưng cũng không có kết quả gì, cũng không ai khuyên giải, nói chuyện được với bà C.

- Đối với các số liệu nợ gốc lãi của bà C tại Ngân hàng A mà phía Ngân hàng trình bày tại phiên Tòa hôm nay, ông H4 nhất trí, không có ý kiến gì. Đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm lãi để sau khi có bản án của Tòa, vợ chồng ông được trả tiền và rút tài sản đảm bảo ra vì đó là nơi ở duy nhất hiện nay của vợ chồng ông.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng:***

** Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Tại phiên tòa hôm nay bị đơn: Bà Lại Thị C vắng mặt không có lí do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử là đúng luật định.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

- Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng cũng đã nhiều lần làm việc với bị đơn nhưng bị đơn không thực nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án.

- Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được các bên tự nguyện ký kết, về nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật.

- Căn cứ các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi khoản nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng của Ngân hàng A. Buộc bà C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử (ngày 26/6/2023) là 150.300.000 đồng; còn tiền nợ lãi thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp bà C không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

- Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Lại Thị C phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật;

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

Căn cứ khoản 10.1 Điều 10 Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD - LDS 201202225 ngày 04/5/2012 ký giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Vvà bà Lại Thị C quy định:

“... Hai bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nơi có trụ sở chính của bên A”

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V có địa chỉ trụ sở chính trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại: Số 2 L, phường T, quận B, thành phố H. Do vậy, Tòa án nhân dân quận B đã thụ lý vụ án về: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng A với Bà Lại Thị C là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn: Bà Lại Thị C có gửi cho Tòa án các văn bản trình bày và nộp kèm theo các tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà C đã có đơn tố cáo và được Cục cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế buôn lậu Bộ Công an chuyển đơn đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H để giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/02/2023, Tòa án nhân dân quận B đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số: 36/2023/QĐ-CCCC, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết đơn tố cáo của bà Lại Thị C đối với ngân hàng A.

- Ngày 27/3/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H2 đã cung cấp cho Tòa án nhân dân quận B các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết đơn tố cáo của bà Lại Thị C. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ nêu trên cho thấy: Ngày 27/12/2022, Công an quận H2 đã có văn bản số 7263/CAHBT-ĐTKT giải quyết đơn đơn tố cáo của bà Lại Thị C với nội dung:

“Ngày 26/9/2022, Công an quận H2 nhận được phiếu chuyển đơn số: 4720/PC-VPCQCSĐT ngày 16/9/2022 của phòng PC01 - Công an Thành phố H về việc chuyển đơn của bà Lại Thị C.

Căn cứ vào các tài liệu thu thập được, xác định: Việc bà C tố giác Ngân hàng A - chi nhánh H có hành vi chiếm đoạt tiền hỗ trợ khách hàng khó khăn theo chính sách của nhà nước là không có căn cứ. Sự việc trên không có dấu hiệu của

tội phạm, không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan CSĐT - Công an quận H2.

Ngày 10/11/2022, Công an quận H2 đã mời bà C đến làm việc và Thông báo kết quả giải quyết đơn, bà C đồng ý với kết quả giải quyết và không có ý kiến thắc mắc gì.

Ngày 22/11/2022, Công an quận H2 nhận được phiếu chuyển đơn số: 4720/PC-VPCQCSĐT ngày 16/9/2022 của phòng PC01 - Công an Thành phố H về việc chuyển đơn của bà Lại Thị C. Sau khi nghiên cứu nội dung đơn xác định trùng với phiếu chuyển đơn số: 4720/PC-VPCQCSĐT ngày 16/9/2022 của phòng PC01 - Công an Thành phố H mà Công an quận H2 đã giải quyết đơn và thông báo kết quả giải quyết cho PC01 - Công an Thành phố H biết theo quy định.

Ngày 13/12/2022, bà C đến Công an quận H2 cung cấp các tài liệu gồm: Quyết định số 48/1999/QĐ-NHNN5 ngày 08/02/1999; Quyết định số 493/205/QĐ-NHN ngày 24/4/2005 và Quyết định số 22/VBHN-NHNN ngày 04/6/2014 của Ngân hàng Nhà nước. Căn cứ vào tài liệu do bà C cung cấp xác định: Các quyết định trên của Ngân hàng nhà nước ban hành để quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng tiền dự phòng để xử lý rủi ro cho vay tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng. Từ đó nhận thấy bà Lại Thị C không thuộc trường hợp được xử lý xóa nợ gốc và lãi cho khoản vay của bà C với Ngân hàng.

Hiện nay Tòa án nhân dân quận B đang thụ lý vụ án Dân sự liên quan đến “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng A với bà Lại Thị C nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an quận H2, thành phố H”.

Như vậy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên cho thấy đơn tố cáo của bà Lại Thị C đã được Cơ quan công an giải quyết và đã có kết quả thông báo cho bà C trước thời điểm Tòa án quận B thụ lý vụ án. Do kết quả giải quyết của Cơ quan cảnh sát điều tra xác định không có dấu hiệu tội phạm hình sự cho nên việc Tòa án nhân dân quận B vẫn tiến hành giải quyết vụ án Dân sự trên là đúng quy định của pháp luật.

- Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn đến tham gia phiên Tòa, tuy nhiên tại phiên Tòa, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

** Về nội dung vụ án:*

[1]. Ngày 04/5/2012, Ngân hàng A - chi nhánh H và bà Lại Thị C ký Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201201790 (01/HDTDLDS 201202225) với nội dung: Số tiền vay: 800.000.000 đồng; Mục đích cho vay: Mua nhà; Lãi suất cho vay kỳ đầu: 18%/năm; Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu tiên 04/5/2012; kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng trả 20.000.000 đồng, phần còn lại trả cuối kỳ; Kỳ hạn trả nợ lãi: Vào ngày 25 hàng tháng.

*** Tài sản bảo đảm cho khoản vay:** Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 391a, tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: Tổ 30, phường T, quận C, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113131595, hồ sơ gốc số: 66.2003.QĐUB/1702.2003 do UBND thành phố H cấp ngày 03/01/2003, đứng tên ông Lai Mạnh H4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người thứ ba được ngày 21/5/2010, tại trụ sở Phòng công chứng số I thành phố H. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký nhà và đất quận C1 ngày 26/5/2010. Giá trị tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp là: 1.296.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà C tổng số tiền 800.000.000 đồng được thể hiện qua phiếu chi ngày 04/5/2012.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, đến ngày 04/05/2013 bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng. Sau nhiều lần đôn đốc, bà Chinh đã trả được cho ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi là: 782.786.667 đồng, trong đó: Nợ gốc: 649.700.000 đồng; nợ lãi: 133.086.667 đồng. Sau đó bà C không trả nợ cho Ngân hàng, mặc dù đã nhiều lần cam kết trả nợ, dẫn đến ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A, nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án.

[2]. Về phía bị đơn: Bà Lại Thị C đã được Tòa án triệu tập ra Tòa làm việc, nhưng bà C đều không có mặt mà chỉ gửi văn bản trình bày với nội dung không đồng ý việc Tòa án thụ lý vụ án dân sự vì hiện bà C đang chờ cơ quan công an giải quyết đơn tố cáo của bà đối với cán bộ Ngân hàng A có hành vi làm giả hồ sơ tín dụng, chiếm đoạt tài sản của bà.

[3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lai Mạnh H4 và bà Nguyễn Thị Kim D xác nhận có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ 30, phường T, quận C, thành phố H thuộc sở hữu của vợ chồng ông, bà đảm bảo cho khoản vay của bà Lại Thị C (chị gái ông H4) tại Ngân hàng A. Vợ chồng ông H4, bà D mong muốn ngân

hàng miễn giảm lãi trong hạn và quá hạn để gia đình ông H4 nộp tiền vào rút tài sản đảm bảo ra, vì hiện nay bà C không có trách nhiệm gì với khoản nợ và nhà đất này là nơi duy nhất để gia đình ông H4 ăn ở, sinh sống.

[4]. *Xét yêu cầu đòi số tiền nợ gốc của Ngân hàng AgriBank*

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, dựa trên ý chí của các bên tham gia hợp đồng, phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng, Tòa án xác định Hợp đồng tín dụng số:01/HDTDLDS 201202225 ngày 04/5/2012 giữa Ngân hàng A và bà Lại Thị C là có thật và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Tính đến phiên Tòa sơ thẩm hôm nay (ngày 26/6/2023), dư nợ gốc của bà Lại Thị C tại Ngân hàng A là 150.300.000 đồng.

Việc bà Lại Thị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng giữa hai bên ký kết là vi phạm quy định tại điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, buộc bà Lại Thị C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là: **150.300.000 đồng.**

[5]. *Về yêu cầu đòi số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn:*

Tại Điều 2 của của Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201201790 (01/HDTDLDS 201202225) ngày 04/5/2012 có quy định về lãi suất cho vay - phí:

“Lãi suất cho vay kỳ đầu 18%/năm kỳ tiếp theo lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất huy động tiền gửi VNĐ 12 tháng trả lãi sau + tối thiểu 5%/năm, nhưng không trái với quy định của Ngân hàng No&PTNT Việt Nam tại thời điểm điều chỉnh; Lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất cho vay trên HĐTD đối với số nợ gốc chậm trả”.

Nguyên đơn đã xuất trình cho Hội đồng xét xử bản kê chi tiết về khoản vay nợ và cách tính lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng A và bà Lại Thị C, Hội đồng xét xử đã kiểm tra và thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do đó buộc bà Lại Thị C phải trả cho Ngân hàng A số tiền nợ lãi trong hạn là: **222.311.697 đồng; Nợ lãi quá hạn: 41.723.750 đồng.**

[6]. *Về yêu cầu đòi khoản lãi phát sinh đến khi bà Lại thị C trả hết nợ cho Ngân hàng A*

Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng A và bà Lại Thị C có đủ cơ sở buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi nợ quá hạn của số tiền gốc mà bị đơn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (150% so với lãi suất trong hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[7]. *Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của ngân hàng:*

[7.1]. Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng của bà Lại Thị C tại Ngân hàng A là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 391a, tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: Tổ 30, phường T, quận C1, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113131595 do UBND thành phố H cấp ngày 03/01/2003, đứng tên ông Lai Mạnh H4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số công chứng 4470.10 quyền số: 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/5/2010, tại Phòng công chứng số I thành phố H. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký nhà và đất quận C1 ngày 26/5/2010. Giá trị tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp là: 1.296.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu đồng).

[7.2]. Ngày 05/5/2023, Tòa án nhân dân quận B tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ như sau:

Thửa đất số 391a, tờ bản đồ số 06; tại địa chỉ: Tổ 30 (nay là: Số 7 ngõ 125/38 Nguyễn Ngọc V), phường T, quận C1, thành phố H; có diện tích đất theo giấy chứng nhận: 128 m²; Tổng diện tích sử dụng: 50 m²; Diện tích xây dựng: 50 m². Ngày 08/12/2006 đã sang tên 1 phần cho ông Nguyễn Anh T2 và bà Nguyễn Thị Sinh C2: Đất ở: 44,8 m² (SD riêng, giới hạn 1,2,2',6',1); Nhà ở: DTSD: 23 m² Nhà B1. Phần diện tích còn lại trong Giấy chứng nhận gồm: Đất ở: 43,2 m² (SD riêng, giới hạn 6',2', 1',5, 3',6'); nhà ở: DTSD: 26.5 m²; Nhà B1.

Qua quan sát thực tế nhà đất trên có hiện trạng là nhà kết cấu bê tông cốt thép 5 tầng kiên cố, có cổng ra vào bằng sắt hướng ra ngõ đi chung.

- Tầng 1: Gồm 01 khu để xe, 01 nhà vệ sinh và 01 phòng để đồ, nền lát gạch trắng.

- Tầng 2: Gồm 01 phòng khách, 01 ban công hướng ra ngõ đi chung và 01 khu dùng làm nhà bếp và phòng ăn.

- Tầng 3: Có 02 phòng ngủ, 01 nhà vệ sinh sát cầu thang, phòng ngủ bên tay phải cầu thang có 01 ban công

- Tầng 4: Kết cấu giống với tầng 3

- Tầng 5: Gồm 01 phòng thờ và 01 khu phơi đồ.

Cầu thang dẫn lên các tầng có tay vịn bằng gỗ, bậc thang bê tông ốp gỗ trên bề mặt. Tầng 2,3,4,5 lát gạch đá đen.

Tổng diện tích xây dựng nhà và diện tích đất thực tế do Công ty CP phát triển công nghệ đo đạc và bản đồ Hà Nội đo đạc có diện tích là: 44,5 m².

* Theo ông H4 và bà D cung cấp: Năm 2006, gia đình ông bà đã sang nhượng một phần diện tích đất tại nhà đất ở địa chỉ trên cho ông Nguyễn Anh T2 và bà Nguyễn Thị Sinh C2 (được thể hiện tại mục III của giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở). Ông Hà có tên là Lai Mạnh H4 đã được đính chính trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Hiện trạng nhà đất từ khi thế chấp tại Ngân hàng cho đến nay không có gì thay đổi.

* Đồng chí cảnh sát khu vực cung cấp thì tại nhà đất trên không có ai có đăng ký hộ khẩu thường trú mà chỉ có 03 nhân khẩu đang ăn ở sinh sống thường xuyên là vợ chồng: Ông Lai Mạnh H4 - sinh năm 1973; Bà Nguyễn Thị Kim D - sinh năm 1973 và con gái ông H4, bà D là chị Lại Nguyễn Hà A - sinh năm 2003.

* Theo Nguyên đơn trình bày: Khi Ngân hàng nhận thế chấp tài sản đảm bảo thì nhà đất đã có hiện trạng như hiện nay.

Tại Điều 2 và điểm d khoản 3 Điều 4 Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 21/5/2010, hai bên thỏa thuận: “Bên C (ông Lai Mạnh H4 và vợ là bà Nguyễn Thị Kim D) tự nguyện thế chấp tài sản nói trên cho Bên A (Ngân hàng A) để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ khoản tiền nói tại điểm 2 dưới đây mà Bên B (bà Lại Thị C) xin vay của Bên A, theo các điều kiện về thời hạn cho vay, lãi suất tiền vay và về quyền quản lý tiền cho vay của Bên A.

Mọi công trình, diện tích do bên C cải tạo, xây dựng thêm gắn liền với tài sản đã thế chấp, đều thuộc tài sản thế chấp theo hợp đồng này”.

[7.3]. Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 21/5/2010 giữa Ngân hàng A với bà Lại Thị C và vợ chồng ông Lai Mạnh H4, bà Nguyễn Thị Kim D được các bên tự nguyện ký kết; Hợp đồng được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, trong trường hợp bà Lại Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngân hàng A đã xuất trình bản tính lãi đối với khoản tiền nợ gốc còn lại là 150.300.000 đồng mà bà Lại Thị C phải bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 4470.10 ngày 21/5/2010, tạm tính đến ngày xét xử (26/6/2023), Hội đồng xét xử đã kiểm tra và thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tổng nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/6/2023) là: **414.335.447 đồng** trong đó: Nợ gốc: 150.300.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 222.311.697 đồng; Nợ lãi quá hạn: 41.723.750 đồng.

[7.4]. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền thiếu.

[8]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. *Về án phí Dân sự sơ thẩm:*

- Ngân hàng A không phải chịu án phí DSST và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Lại Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là:

414.335.447 đồng = 20.000.000 đồng + 4% (14.335.447 đồng) = 20.573.418 đồng.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là các Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015)

- Căn cứ các Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Áp dụng Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V đối với bà Lại Thị C

2. Buộc bà Lại Thị C phải trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V nợ gốc và nợ lãi theo Hợp Đồng tín dụng số: 1500LAV201201790 (01/HDTDLDS 201202225 ngày 04/5/2012). Cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 150.300.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu ba trăm nghìn đồng)

- Nợ lãi trong hạn: 222.311.697 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu ba trăm mười một nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng)

- Nợ lãi quá hạn: 41.723.750 đồng (Bốn mươi một triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng)

Tổng cộng: **414.335.447 đồng** (Bốn trăm mười bốn triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Lại Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

4. Trường hợp bà Lại Thị C không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ.

Toàn bộ quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở tại thửa đất số 391a, tờ bản đồ số 06; Phần diện tích còn lại trong Giấy chứng nhận gồm: Đất ở: 43,2 m² (SD riêng, giới hạn 6', 2', 1', 5, 3', 6'); nhà ở: DTSD: 26.5 m²; Nhà B1. Tại địa chỉ: Tổ 30 (nay là: Số 7 ngõ 125/38 Nguyễn Ngọc V), phường T, quận C1, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113131595, hồ sơ gốc số: 66.2003.QĐUB/1702.2003 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 03/01/2003, đứng tên ông Lai Mạnh H4; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người thứ ba ngày 21/5/2010, tại Phòng công chứng số I thành phố H. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký nhà và đất quận C1 ngày 26/5/2010.

Tổng nghĩa vụ bảo đảm của ông Lai Mạnh H4 và bà Nguyễn Thị Kim D theo Hợp đồng thế chấp tạm tính đến ngày 26/6/2023 là: 414.335.447,439 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 150.300.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu ba trăm nghìn đồng); Nợ lãi trong hạn: 222.311.697 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu ba trăm mười một nghìn sáu trăm chín mươi đồng); Nợ lãi quá hạn: 41.723.750 đồng (Bốn mươi một triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng)

5. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền thiếu.

6. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo biên lai số: 0002785 ngày 13/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

- Bà Lại Thị C phải chịu án phí sơ thẩm là: 20.573.418 đồng (Hai mươi triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm mười tám đồng).

7. Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- TAND TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang